

sở chính) phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối): Tình hình bán ngoại tệ cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Bên hợp doanh nước ngoài; tình hình hoạt động tài khoản tiền gửi vốn chuyên dùng ngoại tệ và tài khoản tiếp nhận, trả nợ khoản vay nước ngoài (nếu có) của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Bên hợp doanh nước ngoài.

27. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Bên hợp doanh nước ngoài, các ngân hàng được phép nếu vi phạm các quy định của Thông tư này, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 20/2000/NĐ-CP ngày 15/6/2000 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng hoặc bị xử lý theo các quy định hiện hành khác của pháp luật.

VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

28. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 02/TT-NH7 ngày 28/6/1997 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh, Quyết định số 468/2000/QĐ-NHNN7 ngày 8/11/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc bán ngoại tệ cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Bên nước ngoài tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh.

29. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các ngân hàng hoạt động tại Việt Nam, Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và đại diện các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm

tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện Thông tư này./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Phó Thống đốc

DƯƠNG THU HƯƠNG

QUYẾT ĐỊNH số 711/2001/QĐ-NHNN ngày 25/5/2001 về việc ban hành Quy chế Mở thư tín dụng nhập hàng trả chậm.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước số 01/1997/QH10 và Luật các Tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 90/1998/NĐ-CP ngày 07/11/1998 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý vay, trả nợ nước ngoài;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Mở thư tín dụng nhập hàng trả chậm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 207/QĐ-NH7 ngày 01/7/1997 ban hành Quy chế Mở thư tín dụng nhập hàng trả chậm.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn

vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) các ngân hàng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

LÊ ĐỨC THÚY

QUY CHẾ MỞ thư tín dụng nhập hàng trả chậm

(ban hành kèm theo Quyết định số 711/2001/QĐ-NHNN ngày 25/5/2001)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Thanh toán bằng thư tín dụng trả chậm (sau đây gọi là “nghiệp vụ L/C trả chậm”) là một phương thức thanh toán tín dụng chứng từ có kỳ hạn do ngân hàng thực hiện để phục vụ cho việc nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp.

Điều 2. Ngân hàng thực hiện nghiệp vụ L/C trả chậm là các Ngân hàng thương mại nhà nước, Ngân hàng đầu tư, Ngân hàng phát triển, Ngân hàng thương mại cổ phần, Ngân hàng chính sách, Ngân hàng liên doanh, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và các loại hình ngân hàng khác (sau đây gọi là “Ngân hàng”) được thành lập, hoạt động theo Luật các Tổ chức tín dụng và có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 3. Đối tượng được Ngân hàng mở L/C trả chậm là các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam có đủ điều kiện quy định tại Điều 8 và Điều 9 Quy chế này. Các doanh nghiệp bao gồm:

Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, chi nhánh công ty nước ngoài, doanh nghiệp thuộc các tổ chức chính trị xã hội, hợp tác xã, doanh nghiệp khác thuộc mọi thành phần kinh tế theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là doanh nghiệp).

Điều 4. Việc mở L/C trả chậm để nhập khẩu hàng hóa phải đảm bảo phù hợp với:

1. Chính sách nhập khẩu của Nhà nước.
2. Các quy định hiện hành của Nhà nước liên quan đến vay, trả nợ nước ngoài, bảo đảm tiền vay và các quy định tại Quy chế này.

3. Quy tắc thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ của Phòng Thương mại quốc tế (theo phiên bản mà Ngân hàng lựa chọn để thực hiện).

Điều 5. Việc mở L/C trả chậm nhập các mặt hàng do Thủ tướng Chính phủ chỉ định được thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, PHẠM VI THỰC HIỆN NGHIỆP VỤ L/C TRẢ CHẬM

Điều 6. Để được thực hiện nghiệp vụ L/C trả chậm, Ngân hàng phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Được phép thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế.
2. Có quy định cụ thể bằng văn bản về quy trình, thủ tục và hồ sơ cần thiết để thực hiện nghiệp vụ L/C trả chậm theo Quy tắc thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ của Phòng Thương mại quốc tế (theo phiên bản mà Ngân hàng lựa chọn để thực hiện) và phù hợp với Quy chế này.

3. Có quy định cụ thể bằng văn bản về tiêu chuẩn xác định khả năng tài chính của doanh nghiệp đảm bảo thanh toán L/C trong thời hạn cam kết.

Điều 7. Khi mở L/C trả chậm cho doanh nghiệp, ngân hàng phải đảm bảo:

1. Số dư L/C trả chậm ngân hàng mở cho 1 khách hàng (bao gồm số tiền của các L/C trả chậm ngân hàng đã mở nhưng chưa thanh toán cho người thụ hưởng) phải nằm trong giới hạn tổng số dư bảo lãnh của Tổ chức tín dụng cho 1 khách hàng theo quy định tại Quy chế bảo lãnh ngân hàng.

2. Số dư L/C trả chậm ngân hàng mở cho các khách hàng phải nằm trong giới hạn về tổng mức bảo lãnh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại Quy chế bảo lãnh ngân hàng.

Điều 8. Ngân hàng xem xét để mở L/C trả chậm ngắn hạn (thời hạn đến 1 năm) cho doanh nghiệp khi doanh nghiệp có đủ các điều kiện sau:

1. Có khả năng tài chính đảm bảo thanh toán L/C trong thời hạn cam kết theo quy định của ngân hàng.

2. Có cam kết bằng văn bản với ngân hàng về lịch chuyển tiền cho Ngân hàng để Ngân hàng thanh toán cho nước ngoài. Lịch chuyển tiền này phải phù hợp với nghĩa vụ thanh toán của Ngân hàng cho nước ngoài đối với L/C sẽ mở.

3. Tại thời điểm xin mở L/C: Không vi phạm cam kết chuyển tiền thanh toán cho Ngân hàng để Ngân hàng thanh toán cho nước ngoài đối với các L/C trả chậm đã mở trước đó; không còn nợ với ngân hàng trong các trường hợp được nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Quy chế này.

4. Có bảo đảm hợp pháp (bằng một hoặc nhiều hình thức như: ký quỹ, cầm cố, thế chấp tài sản hoặc được bên thứ ba bảo lãnh) cho việc mở L/C trả chậm theo yêu cầu của ngân hàng.

5. Đáp ứng được điều kiện vay nước ngoài ngắn hạn do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.

Điều 9. Ngân hàng xem xét để mở L/C trả chậm trung, dài hạn (thời hạn trên 1 năm) cho doanh nghiệp sau khi doanh nghiệp có đủ các điều kiện sau:

1. Điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 8 Quy chế này.

2. Có văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận đã đăng ký vay, trả nợ nước ngoài.

Chương III

KÝ QUỸ, CẦM CỐ, THẾ CHẤP, BẢO LÃNH, THANH TOÁN

Điều 10. Trước khi mở L/C trả chậm cho doanh nghiệp, Tổng Giám đốc (Giám đốc) Ngân hàng hoặc người có thẩm quyền theo quy định của Ngân hàng, tùy theo tình hình thực tế về sản xuất kinh doanh, khả năng tài chính, uy tín của từng doanh nghiệp và đặc điểm của hàng hóa nhập khẩu để thỏa thuận với doanh nghiệp việc áp dụng một hoặc nhiều biện pháp bảo đảm (ký quỹ, cầm cố, thế chấp tài sản, bảo lãnh) và quyết định trị giá của bảo đảm mà doanh nghiệp phải đáp ứng. Việc áp dụng biện pháp bảo đảm là ký quỹ để mở L/C trả chậm được thực hiện phù hợp với quy định tại Điều 11 Quy chế này.

Điều 11. Đối với biện pháp bảo đảm là ký quỹ để mở L/C trả chậm:

1. Căn cứ tình hình cụ thể và chính sách nhập khẩu hàng hóa của Nhà nước, khi cần thiết, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sẽ quyết định mức ký quỹ tối thiểu đối với các mặt hàng nằm trong danh mục hạn chế nhập khẩu trong từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ.

2. Doanh nghiệp không được ký quỹ bằng vốn vay ngân hàng hoặc các khoản vốn đang được ngân hàng bảo lãnh.

Điều 12. Việc cầm cố, thế chấp tài sản và bảo lãnh cho việc mở L/C trả chậm được thực hiện theo thỏa thuận giữa ngân hàng và doanh nghiệp và phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về bảo đảm tiền vay và các quy định có liên quan khác.

Điều 13. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm chuyển tiền cho ngân hàng theo đúng cam kết giữa doanh nghiệp và ngân hàng để thanh toán cho nước ngoài đúng hạn. Ngân hàng chịu trách nhiệm thanh toán cho nước ngoài theo đúng cam kết của mình.

Nếu doanh nghiệp không chuyển tiền (toàn bộ hoặc một phần) cho ngân hàng theo đúng cam kết, ngân hàng vẫn phải thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán với nước ngoài và được quyền ghi nợ khách hàng kể từ ngày thanh toán và tùy theo từng trường hợp, ngân hàng được quyền quyết định:

1. Trong trường hợp doanh nghiệp không chuyển tiền (toàn bộ hoặc một phần) cho ngân hàng theo đúng cam kết là do nguyên nhân khách quan, trên cơ sở điều kiện của mình, ngân hàng ghi nợ đối với doanh nghiệp với lãi suất tính dụng của nợ trong hạn và quyết định thời hạn trả nợ như sau:

a) Đối với L/C trả chậm ngắn hạn, thời hạn trả nợ tối đa bằng một chu kỳ sản xuất, kinh doanh nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng thanh toán cho nước ngoài; trừ trường hợp đặc biệt được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép hoặc giao cho Ngân hàng xem xét, quyết định;

b) Đối với L/C trả chậm trung, dài hạn, thời hạn trả nợ tối đa bằng 1/2 thời hạn của L/C trả chậm kể từ ngày Ngân hàng thanh toán cho nước ngoài; trừ trường hợp đặc biệt được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép hoặc giao cho Ngân hàng xem xét, quyết định.

2. Ngân hàng ghi nợ quá hạn hoặc chuyển nợ quá hạn, đồng thời áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm ghi nợ quá hạn hoặc chuyển nợ quá hạn và thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp không chuyển tiền (toàn bộ hoặc một phần) cho ngân hàng theo đúng cam kết là do nguyên nhân chủ quan từ phía doanh nghiệp.

b) Doanh nghiệp không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ trong thời hạn do Ngân hàng quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ngay sau khi ghi nợ, ghi nợ quá hạn hoặc chuyển nợ quá hạn đối với doanh nghiệp theo các điều kiện quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này, ngân hàng phải kịp thời thông báo cụ thể bằng văn bản cho doanh nghiệp.

Chương IV

THẨM QUYỀN KÝ VÀ MỨC PHÍ ĐỐI VỚI NGHIỆP VỤ L/C TRẢ CHẬM

Điều 14. Ngân hàng quy định thẩm quyền quyết định mở L/C trả chậm trong hệ thống của mình phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 15. Mức phí đối với nghiệp vụ L/C trả chậm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng):

1. Tổng của phí mở L/C và phí kiểm tra chứng từ tối đa là 2%/năm tính trên trị giá L/C được mở, được tính trong thời hạn hiệu lực của L/C.

2. Phí chấp nhận thanh toán tối đa là 2%/năm tính trên số tiền đã chấp nhận thanh toán nhưng chưa thanh toán cho người thụ hưởng, được tính trong thời gian kể từ khi chấp nhận thanh toán tới khi đến hạn phải thanh toán.

09659677

Tel: +84-8-3845 6684

3. Phí chuyển tiền ra nước ngoài khi thanh toán L/C do Ngân hàng quy định và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thu phí dịch vụ thanh toán qua ngân hàng.

4. Phí sửa đổi L/C, điện phí, telex phí và các loại phí hợp lý khác (nếu có phát sinh) do ngân hàng quy định.

Chương V

CÔNG TÁC KIỂM TRA, THANH TRA, XỬ LÝ

Điều 16. Định kỳ hoặc khi cần thiết, việc kiểm tra, thanh tra đối với nghiệp vụ L/C trả chậm được thực hiện như sau:

1. Ngân hàng chịu sự kiểm tra, thanh tra của Ngân hàng Nhà nước;

2. Doanh nghiệp chịu sự giám sát, kiểm tra của ngân hàng;

3. Doanh nghiệp chịu sự kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước về tình hình vay, trả nợ nước ngoài dưới hình thức mở thư tín dụng nhập hàng trả chậm theo quy định hiện hành về vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

Ngân hàng, doanh nghiệp được kiểm tra, thanh tra có nhiệm vụ cung cấp đầy đủ tình hình, số liệu và chứng từ liên quan đến việc thực hiện nghiệp vụ L/C trả chậm cho việc kiểm tra, thanh tra nói trên. Việc kiểm tra, thanh tra phải được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi

phạm, sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 18. Định kỳ ngân hàng phải gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) và Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trên địa bàn các báo cáo theo quy định hiện hành về báo cáo vay, trả nợ nước ngoài (trong đó có nghiệp vụ L/C trả chậm).

Điều 19. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) theo quy định sau:

1. Báo cáo ngay khi phát hiện ra các trường hợp vi phạm Quy chế Mở thư tín dụng nhập hàng trả chậm và kiến nghị biện pháp xử lý.

2. Thực hiện theo quy định hiện hành về báo cáo vay, trả nợ nước ngoài (trong đó có nghiệp vụ L/C trả chậm).

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG, SỬA ĐỔI

Điều 20. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định./.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

LÊ ĐỨC THÚY